

PHỤ LỤC

KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN SỬA CHỮA, CẢI TẠO; MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ, DI CHUYỂN TRỤ SỞ, DỌN DẸP VỆ SINH CƠ QUAN VÀ CÁC CHI PHÍ CẦN THIẾT KHÁC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí cấp bổ sung đợt I năm 2025	Trong đó:			Ghi chú
			Kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Kinh phí mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, di chuyển trụ sở, dọn dẹp vệ sinh cơ quan và chi phí cần thiết khác	
	<u>Tổng cộng:</u>	<u>10.238.452</u>	<u>1.943.000</u>	<u>889.800</u>	<u>7.405.652</u>	
1	Sở Tư pháp	495.000	245.000		250.000	
2	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	90.000	90.000			
3	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	78.000	78.000			
4	Sở Tài chính	497.800		107.800	390.000	
5	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp	499.500			499.500	
6	Sở Y tế	496.702			496.702	

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí cấp bổ sung đợt I năm 2025	Trong đó:			Ghi chú
			Kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Kinh phí mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, di chuyển trụ sở, dọn dẹp vệ sinh cơ quan và chi phí cần thiết khác	
7	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	400.000	20.000		380.000	
8	Trung tâm pháp Y	170.000	76.000		94.000	
9	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, Mỹ phẩm, thực phẩm	55.000	55.000			
10	Trung tâm giám định y khoa	500.000		20.000	480.000	
11	Trường Chính trị tỉnh	135.000	135.000			
12	Sở Công Thương	498.600	68.000	130.000	300.600	
13	Chi cục Quản lý thị trường	285.000	150.000		135.000	
14	Cổng thông tin điện tử	125.000	125.000			
15	Sở Khoa học và Công nghệ	492.000	14.000	105.000	373.000	
16	Sở Xây dựng	499.160	265.000	33.000	201.160	
17	Sở Dân tộc và Tôn giáo	497.780			497.780	
18	Sở Nông nghiệp và Môi trường	298.500			298.500	
19	Chi cục Trồng trọt, bảo vệ thực vật và Chăn nuôi thú y, Thủy sản	100.000			100.000	

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí cấp bổ sung đợt I năm 2025	Trong đó:			Ghi chú
			Kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Kinh phí mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, di chuyển trụ sở, dọn dẹp vệ sinh cơ quan và chi phí cần thiết khác	
20	Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp và Trạm dịch vụ, hỗ trợ nông nghiệp Yên Bình	100.000			100.000	
21	Sở Nội vụ	498.500	229.000		269.500	
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	496.250			496.250	
23	Thanh tra tỉnh	499.985			499.985	
24	Hội cựu Chiến binh	250.000	120.000	90.000	40.000	
25	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai	500.000	200.000	300.000		
26	Hội liên hiệp phụ nữ	254.000	43.000	34.000	177.000	
27	Tỉnh đoàn thanh niên	499.997			499.997	
28	Hội nông dân	250.000	30.000	70.000	150.000	
29	Hội chữ thập đỏ	180.000			180.000	
30	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	496.678			496.678	

